

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 13 - 5 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Chiến và bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H** sinh năm 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện L, tỉnh H

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Q** sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã Th huyện L tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:*

Năm 1991, chị và anh Bùi Văn Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau. Do thời gian đã quá lâu chị Hiền không nhớ vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không. Khi chị H đến UBND xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xin cấp trích lục kết hôn thì UBND chỉ xác nhận không còn sổ lưu trữ nên không thể cấp trích lục được; UBND xã Thanh Sơn cũng xác nhận hiện nay anh Q và chị H chung sống với nhau thực tế tại địa phương. Từ khi chung sống với nhau anh Quyền thường xuyên uống rượu say về nhà là gây sự với vợ con, bất kể ngày đêm không cho nghỉ ngơi, thậm chí còn đuổi đánh chị. Thời gian gần đây chị Hiền đi làm xa để cho anh Q có thời gian suy nghĩ thay đổi tính nết nhưng anh Q vẫn chứng nào tật nấy, thường xuyên uống rượu say rồi gọi điện thoại chửi bới, xúc phạm chị H xúc phạm bố mẹ anh chị em nhà chị H. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, tha thứ nhưng anh Q vẫn chứng

nào tất này không thay đổi. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh Q nữa, đời sống chung không thể kéo dài, các con cũng đã trưởng thành, nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Q

- Về con chung: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh Q có 02 con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 17/5/1991 và Bùi Anh Tuấn, sinh ngày 14/9/1995. Hiện các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị của chị H, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã tiến hành xác minh được như sau:

- Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2021 đối với công chức Tư pháp - hộ tịch xã Thanh Sơn xác định được như sau: Hiện nay Sổ đăng ký kết hôn năm 1991 không còn lưu trữ tại UBND xã Thanh Sơn vì vậy việc chị H và anh Q có đăng ký kết hôn hay không UBND xã không nắm được.

- Tại Biên bản xác minh ngày 10/3/2021 đối với Phòng tư pháp huyện Lương Sơn, xác định như sau: Qua kiểm tra sổ theo dõi kết hôn của UBND xã Hợp Thanh, huyện Kim Bôi (nay là xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn) từ thời điểm năm 1989 đến năm 1997 không có trường hợp nào đăng ký kết hôn tên Bùi Thị H và Bùi Văn Q.

Phía bị đơn – anh Bùi Văn Q Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án nên không có văn bản trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án ly hôn.

- Tại biên bản xác minh đối với Công an viên kiêm Phó Trưởng thôn Cáp, đối với hàng xóm liền kề hộ bà H và ông Q xác định được như sau: anh Bùi Văn Q là lao động tự do, chủ yếu làm nghề xây dựng, anh Q đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà, không xác định được thời gian về địa phương khi nào.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Q, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 23/4/2021 bị đơn anh Bùi Văn Quảng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục.

Về nội dung đề nghị HĐXX căn cứ: Điều 9, Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử không công nhận chị H anh Q là vợ chồng; Về con chung: Đã trưởng thành đủ 18 tuổi không đề cập giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không đề

cập. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hyêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn Q: Do chị H không cung cấp được cho Tòa án chứng nhận đăng ký kết hôn; Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban Tư pháp xã và Phòng tư pháp huyện nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn đều xác định tại sổ theo dõi kết hôn của UBND xã Hợp Thanh, huyện Kim Bôi (nay là xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn) thời điểm năm 1989 đến năm 1997 không có trường hợp nào đăng ký kết hôn tên Bùi Thị H và Bùi Văn Q. Do vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn C, xã Th, huyện Lương Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Do bị đơn anh Bùi Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Phiên tòa lần thứ nhất (ngày 23/4/2021) các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa, nhưng bị đơn là anh Q vắng mặt. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự và đã được niêm yết, tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt, Tòa tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2014

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Q là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 17/5/1991 và Bùi Anh T, sinh ngày 14/9/1995. Hiện các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là có cơ sở, HĐXX không xem xét giải quyết

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Bùi Thị H là người nộp đơn khởi kiện nên căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Hiền và ông Bùi Văn Quyền là vợ chồng.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005651 ngày 15/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bà Hiền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Hiền có mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Bùi Văn Quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Lương Sơn
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn
- Người tham gia tố tụng
- Lưu HS

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 5 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thu và ông Trần Ánh Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Hiền**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Cáp, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Quyền**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn Cáp, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

[1]. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý.

[2] Tuyên xử :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Hiền và ông Bùi Văn Quyền là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý.

[2.2] Về con chung: Bà Bùi Thị Hiền và ông Bùi Văn Quyền có 02 con chung là Bùi Ngọc Quang, sinh ngày 17/5/1991 và Bùi Anh Tuấn, sinh ngày 14/9/1995. Hiện các con chung đã đủ tuổi 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng nhận thức và lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý.

[2.3] Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý.

[2.4] Công nợ chung: Không có

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý.

[2.5] Về án phí: Bà Bùi Thị Hiền phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005651 ngày 15/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bà Hiền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý

[2.6] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Hiền có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Bùi Văn Quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Biểu quyết 3/3 hội đồng xét xử đồng ý

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 5 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt

